

PHỤ LỤC DỰ TOÁN CHI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 601/PGD&ĐT ngày 06 tháng 06 năm 2025 của Phòng GD&ĐT thành phố Đông Triều)

DVT: Đồng

TT	Tên đơn vị	Số người được giao theo QĐ số 2682/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	Nhu cầu kinh phí 1 người/tháng (đồng)	Số tiền được giao theo QĐ số 3889/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	Số người (Theo QĐ 1515/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Đông Triều)	Tổng nhu cầu kinh phí/năm (đồng)	Số tiền đã phân bổ (theo QĐ số 1185/QĐ-PGD&ĐT ngày 25/12/2024) (đồng)	Kinh phí phân bổ theo QĐ 235/QĐ-PGD&ĐT ngày 15/03/2025	Tổng số đã phân bổ	Điều chỉnh		Số tiền sau điều chỉnh	Ghi chú
										Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	C
	Tổng số	97		10.102.356.000	171	17.809.000.000	4.343.881.000	1.080.498.000	5.424.379.000	12.679.707.000	295.086.000	17.809.000.000	
	Khối Mầm non	-		-	7	729.036.000	-	-	-	729.036.000	-	729.036.000	
1	Trường Mầm non Đức Chính		8.679.000	-	1	104.148.000			-	104.148.000		104.148.000	
2	Trường Mầm non Xuân Sơn		8.679.000	-	1	104.148.000			-	104.148.000		104.148.000	
3	Trường Mầm non Sao Mai		8.679.000	-	1	104.148.000			-	104.148.000		104.148.000	
4	Trường Mầm non Hoa Lan		8.679.000	-	1	104.148.000			-	104.148.000		104.148.000	
5	Trường Mầm non Hoa Phượng		8.679.000	-	1	104.148.000			-	104.148.000		104.148.000	
6	Trường Mầm non Hồng Thái Tây		8.679.000	-	1	104.148.000			-	104.148.000		104.148.000	
7	Trường Mầm non Bình Dương		8.679.000	-	1	104.148.000			-	104.148.000		104.148.000	
1	Khối tiểu học	65		6.769.620.000	59	6.144.732.000	2.721.048.000	715.836.000	3.436.884.000	3.002.934.000	295.086.000	6.144.732.000	
a	Khu vực phường, thị trấn	47		4.894.956.000	46	4.790.808.000	2.200.346.000	568.255.000	2.768.601.000	2.317.293.000	295.086.000	4.790.808.000	
1	Trường Tiểu học Kim Đồng	2	8.679.000	208.296.000	3	286.407.000	190.924.000	14.000,00	190.938.000	95.469.000		286.407.000	
2	Trường Tiểu học Đức Chính	2	8.679.000	208.296.000	3	312.444.000	74.386.000	21.083.000	95.469.000	216.975.000		312.444.000	
3	Trường Tiểu học Hưng Đạo	2	8.679.000	208.296.000	1	104.148.000	148.772.000	42.166.000	190.938.000		86.790.000	104.148.000	
4	Trường Tiểu học Xuân Sơn	2	8.679.000	208.296.000	2	208.296.000	74.386.000	21.083.000	95.469.000	112.827.000		208.296.000	
5	Trường Tiểu học Kim Sơn	3	8.679.000	312.444.000	3	312.444.000	74.386.000	21.083.000	95.469.000	216.975.000		312.444.000	
6	Trường Tiểu học Quyết Thắng	1	8.679.000	104.148.000	1	104.148.000	75.386.000	20.083.000	95.469.000	8.679.000		104.148.000	
7	Trường tiểu học Vĩnh Khê	3	8.679.000	312.444.000	3	312.444.000	223.158.000	63.249.000	286.407.000	26.037.000		312.444.000	
8	Trường tiểu học Mạo Khê A	2	8.679.000	208.296.000	3	312.444.000	-	-	-	312.444.000		312.444.000	
9	Trường Tiểu học Mạo Khê B	2	8.679.000	208.296.000	1	104.148.000	-	-	-	104.148.000		104.148.000	
10	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ	1	8.679.000	104.148.000	2	208.296.000	-	-	-	208.296.000		208.296.000	

TT	Tên đơn vị	Số người được giao theo QĐ số 2682/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	Nhu cầu kinh phí 1 người/tháng (đồng)	Số tiền được giao theo QĐ số 3889/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	Số người (Theo QĐ 1515/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Đồng Triều)	Tổng nhu cầu kinh phí/năm (đồng)	Số tiền đã phân bổ (theo QĐ số 1185/QĐ-PGD&ĐT ngày 25/12/2024) (đồng)	Kinh phí phân bổ theo QĐ 235/QĐ-PGD&ĐT ngày 15/03/2025	Tổng số đã phân bổ	Điều chỉnh		Số tiền sau điều chỉnh	Ghi chú
										Tăng	Giảm		
11	Trường Tiểu học Trảng An	4	8.679.000	416.592.000	3	338.481.000	297.544.000	84.332.000	381.876.000		43.395.000	338.481.000	
12	Trường Tiểu học Hồng Phong	4	8.679.000	416.592.000	4	416.592.000	297.544.000	84.332.000	381.876.000	34.716.000		416.592.000	
13	Trường Tiểu học Yên Thọ	3	8.679.000	312.444.000	3	312.444.000	74.386.000	21.083.000	95.469.000	216.975.000		312.444.000	
14	Trường Tiểu học Hoàng Quế	3	8.679.000	312.444.000	2	208.296.000	-	-	-	208.296.000		208.296.000	
15	Trường Tiểu học Bình Dương	3	8.679.000	312.444.000	3	312.444.000	148.772.000	42.166.000	190.938.000	121.506.000		312.444.000	
16	Trường Tiểu học Thuý An	2	8.679.000	208.296.000	3	312.444.000	74.386.000	21.083.000	95.469.000	216.975.000		312.444.000	
17	Trường Tiểu học Bình Khê	5	8.679.000	520.740.000	3	312.444.000	371.930.000	105.415.000	477.345.000		164.901.000	312.444.000	
18	Trường Tiểu học Yên Đức	3	8.679.000	312.444.000	3	312.444.000	74.386.000	21.083.000	95.469.000	216.975.000		312.444.000	
b	Khu vực còn lại	18	8.679.000	1.874.664.000	13	1.353.924.000	520.702.000	147.581.000	668.283.000	685.641.000	-	1.353.924.000	
19	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	3	8.679.000	312.444.000	3	312.444.000	148.772.000	42.166.000	190.938.000	121.506.000		312.444.000	
20	Trường Tiểu học An Sinh	4	8.679.000	416.592.000	2	208.296.000	74.386.000	21.083.000	95.469.000	112.827.000		208.296.000	
21	Trường Tiểu học Hồng Thái Tây	5	8.679.000	520.740.000	3	312.444.000	148.772.000	42.166.000	190.938.000	121.506.000		312.444.000	
22	Trường Tiểu học H.Thái Đông	6	8.679.000	624.888.000	3	312.444.000	148.772.000	42.166.000	190.938.000	121.506.000		312.444.000	
23	Trường Tiểu học Việt Dân		8.679.000	-	1	104.148.000			-	104.148.000		104.148.000	
24	Trường Tiểu học Tân Việt		8.679.000	-	1	104.148.000			-	104.148.000		104.148.000	
25	Trường Tiểu học Trảng Lương		8.679.000	-					-	-		-	
II	Khối THCS	32		3.332.736.000	105	10.935.232.000	1.622.833.000	364.662.000	1.987.495.000	8.947.737.000	-	10.935.232.000	
a	Khu vực phường, thị trấn	13		1.353.924.000	69	7.186.212.000	371.890.000	105.455.000	477.345.000	6.708.867.000	-	7.186.212.000	
1	Trường THCS Nguyễn Du		8.679.000	-	4	416.592.000	-	-	-	416.592.000		416.592.000	
2	Trường THCS Đức Chính		8.679.000	-	4	416.592.000	-	-	-	416.592.000		416.592.000	
3	Trường THCS Hưng Đạo		8.679.000	-	4	416.592.000	-	-	-	416.592.000		416.592.000	
4	Trường THCS Xuân Sơn		8.679.000	-	2	208.296.000	-	-	-	208.296.000		208.296.000	
5	Trường THCS Kim Sơn	1	8.679.000	104.148.000	4	416.592.000	-	-	-	416.592.000		416.592.000	
6	Trường THCS Mạo Khê I		8.679.000	-	5	520.740.000	-	-	-	520.740.000		520.740.000	
7	Trường THCS Mạo Khê II	1	8.679.000	104.148.000	5	520.740.000	-	-	-	520.740.000		520.740.000	
8	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh		8.679.000	-	3	312.444.000	-	-	-	312.444.000		312.444.000	
9	Trường THCS Trảng An		8.679.000	-	4	416.592.000	-	-	-	416.592.000		416.592.000	
10	Trường THCS Hồng Phong		8.679.000	-	3	312.444.000	-	-	-	312.444.000		312.444.000	
11	Trường THCS Yên Thọ	2	8.679.000	208.296.000	5	520.740.000	-	-	-	520.740.000		520.740.000	
12	Trường THCS Hoàng Quế	2	8.679.000	208.296.000	5	520.740.000	-	-	-	520.740.000		520.740.000	

[illegible]